1. **MA TRẬN, ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KSCL CUỐI NĂM MÔN TOÁN 6**
2. **MA TRẬN ĐỀ KHẢO SÁT CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN - LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng** | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Tỉ lệ** | | **Tổng điểm** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Phân số**  **( 10 tiết)** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  | 7,5% |  | **0,75** |
| Các phép tính với phân số |  |  |  |  |  | 1 (TL13) |  |  |  | 10% | **1,0** |
| **2** | **Số thập phân**  **( 10 tiết)** | Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm |  |  |  |  |  | 1 (TL14) |  | 1 (TL18) |  | 15% | **1,5** |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản**  **( 16 tiết)** | Điểm, đường thẳng, tia | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 5% |  | **0,5** |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | 1 | 1 TL  15 |  |  |  |  |  |  | 2,5% | 10% | **1,25** |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 7,5% |  | **0,75** |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu**  **(10 tiết)** | Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 2,5% |  | **0,25** |
| Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ |  |  |  | 1 (TL 16b) |  |  |  |  |  | 10% | **1,0** |
| **5** | **Phân tích và xử lí dữ liệu**  **( 2 tiết)** | Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có |  |  |  | 1  (TL 16a) |  |  |  |  |  | 15% | **1,5** |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất**  **( 8 tiết)** | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 5% |  | **0,5** |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản |  |  |  |  |  | 1  (TL17) |  |  |  | 10% | **1,0** |
| **Số câu** | | | **10** | **1** | **2** | **1** |  | **3** |  | **1** |  |  | **18** |
| **Số điểm** | | | **3,5** | | **3** | | **3,0** | | **0,5** | |  |  | **10,0** |
| **Tỉ lệ** | | | **35%** | | **30%** | | **30%** | | **5%** | | **30%** | **70%** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **65%** | | | | **35%** | | | | **100%** | |  |

**2. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG CUỐI KÌ II - TOÁN 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | 1. **Chủ đề** | | 1. **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ VÀ ĐẠI SỐ** | | | | | | | |
| **1** | **Phân số**  **(10 tiết)** | ***Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.  – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.  – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.  – Nhận biết được số đối của một phân số.  – Nhận biết được hỗn số dương. | TN1, 2 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai phân số cho trước. |  | TN3 |  |  |
| ***Các phép tính với phân số*** | ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  | TL  13 |  |
| **2** | **Số thập phân**  **(10 tiết)** | ***Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm*** | ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.  – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được môt số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  | TL  14 |  |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |  |  | TL  18 |
| **HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** | | | |  |  |  |  |
| ***HÌNH HỌC PHẲNG*** | | | |  |  |  |  |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản**  **(16 tiết)** | ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.  – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.  – Nhận biết được khái niệm tia. | TN 4, 5 |  |  |  |
| ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:***  ***-*** Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. | TN 6  TL15 |  |  |  |
| ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).  – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  – Nhận biết được khái niệm số đo góc. | TN 7, 8, 9 |  |  |  |
| **MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** | | | |  |  |  |  |
| **4** | **Thu thập và tổ chức dữ liệu**  **( 10 tiết)** | ***Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. | TN 10 |  |  |  |
| ***Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ*** | ***Thông hiểu:***  – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | TL  16b |  |  |
| **5** | **Phân tích và xử lí dữ liệu**  **(2 tiết)** | ***Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*** | ***Thông hiểu:***  – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  | TL  16a |  |  |
| **6** | **Một số yếu tố xác suất**  **(8 tiết)** | ***Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Nhận biết:***  –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). | TN11 |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  | TN  12 |  |  |
| ***Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản*** | ***Vận dụng:***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  | TL  17 |  |

**3. ĐỀ MINH HỌA**

**A. Phần trắc nghiệm (3 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng**

**Câu 1. (NB)**  Phân số nào sau đây bằng phân số ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 2(NB):** Số đối của  là:

**A.**  B.  C.  D. 

***Câu 3.*** **(TH)** Kết quả so sánh hai phân số  và  là:

A)  B)  C)  D) 

**Câu 4:** **(NB)**  Nhìn vào hình vẽ

A.Điểm A thuộc đường thẳng d****

B. Đường thẳng d đi qua điểm B

C. Đường thẳng d không chứa điểm B

D. Câu A và C đúng

**Câu 5. (NB)** Trên H.2.

****

Hãy cho biết diễn đạt nào dưới đây **không đúng**?

1. Hai đường thẳng AB, AC song song.
2. Điểm A là giao điểm của hai đường thẳng AB và AC.
3. Hai đường thẳng AB, AC là hai đường thẳng cắt nhau tại A.

D.Hai đường thẳng AB, AC là hai đường thẳng phân biệt

**Câu 6.** **(NB)** Cho đoạn thẳng AB, điểm M thuộc đoạn thẳng AB. Khi đó:

1. Điểm M trùng với điểm A B. Điểm M trùng với điểm B

C.Điểm M nằm giữa A và B

D. Điểm M nằm giữa A và B hoặc trùng với A, B.

**Câu 7**. **(NB)**  Cho các góc có số đo như sau: ; ; ; 

Trong các góc trên, góc nào là góc tù ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A) | B) | C) | D) |

***Câu 8.*** **(NB)**  Cho số đo các góc sau: 1350; 500; 100; 900; 1650; 1310; 150; 650. Trong đó có bao nhiêu góc nhọn?

A. 5 B. 4 C. 6 D. 7

**Câu 9: (NB)** Góc bẹt là góc có hai cạnh là hai tia:

A. đối nhau B. trùng nhau C. chung gốc D. cắt nhau

**Câu 10. (NB)**  Em hãy chỉ ra điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu sau:

Danh sách học sinh giỏi lớp 7B

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** |
| 1 | Nguyễn Xuân Long |
| 2 | Phạm Cao Thiên |
| 3 | 0358172488 |
| 4 | Đỗ Trung Quân |

|  |
| --- |
| A. Nguyễn Xuân Long |
| B. Phạm Cao Thiên |
| C. 0358172488 |
| D. Đỗ Trung Quân |

**Câu 11**. **(NB)**  Trong một hộp có 2 bút xanh, 2 bút đỏ**.** thì các khả năng ứng với lấy ra cùng lúc 2 bút từ hộp là

1. 2 bút xanh
2. 2 bút đỏ
3. 1 bút xanh, 1 bút đỏ
4. Cả A,B,C đều đúng

**Câu 12. (TH)** Gieo một con xúc xắc cân đối 6 mặt và đồng chất.

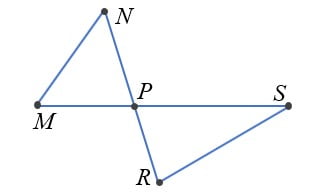
Hãy liệt kê các kết quả có thể xảy ra các sự kiện sau : Số chấm tròn mặt xuất hiện là số lẻ

1. Số chấm tròn mặt xuất hiện là số lẻ
2. Số chấm tròn mặt xuất hiện là 1; 3 ; 5
3. Số chấm tròn mặt xuất hiện là 2; 4; 6
4. Số chấm tròn mặt xuất hiện là 1;2; 3; 4; 5;6

B. Tự luận (7 điểm)  
**Câu 13:** **(VD)***(1 điểm)* Thực hiện phép tính

a) b)

**Câu 14: (VD)** *(1 điểm)* Kết quả học lực cuối học kỳ I năm học 2020 – 2021 cuả lớp 8A xếp thành ba loại: Giỏi; Khá; Trung bình. Biết số học sinh khá bằng  số học sinh giỏi; số học sinh trung bình bằng  số học sinh giỏi. Hỏi lớp 8A có bao nhiêu học sinh; biết rằng lớp 8A có 12 học sinh khá?

**Câu 15:** **(NB)** *(1 điểm)* Cho hình vẽ sau. ****

a) Trong hai điểm N và P điểm nào thuộc đoạn thẳng MS.

b) biết NP = 3 cm, PR = 3 cm .Điểm P có là trung điểm đoạn thẳng NR không?

**Câu 16:** **(TH)** *(2,5 điểm)* Biểu đồ dưới đây cho biết thông tin về số học sinh trung bình trong một lớp học của cả nước trong 5 năm học

a) Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 -2020, số học sinh trung bình trong một lớp ở nước ta năm học nào nhiều nhất , ít nhất và là bao nhiêu ?

b) Dựa vào biểu đồ, hãy lập bảng thống kê số học sinh trung bình trong một lớp của cả nước trong các năm học?

**Câu 17:** **(VD)** *(1 điểm)* Tung hai đồng xu cân đối 50 lần ta được kết quả sau

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Sự kiện | Hai đồng sấp | Một đồng sấp, một đồng ngửa | Hai đồng ngửa |
| Số lần | 11 | 25 | 14 |

Hãy tìm xác suất của thực nghiệm của các sự kiện

1. Có một đồng xu sấp ,một đồng ngửa
2. Hai đồng xu ngửa hoặc sấp

**Câu 18: (VDC)** *( 0,5 điểm)*Một thư viện có 2000 quyển sách. Cứ sau 1 năm thì số sách lại tăng thêm  so với năm trước. Hỏi sau 2 năm thì số sách của thư viện đó là bao nhiêu ?

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. Trắc nghiệm ( 3 điểm)**

*Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đ/A** | **C** | **B** | **C** | **D** | **A** | **D** | **C** | **B** | **A** | **C** | **D** | **B** |

1. **Tự luận ( 7 điểm )**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **câu** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **13** | a)  b) | 0,5đ  0,5đ |
| **14** | số học sinh giỏi là: 12 : = 10 (học sinh)  số học sinh trung bình là: 10. 140% = 14 (học sinh)  số học sinh của lớp 8A là: 12+10+14=36 (học sinh)  Vậy số HS lớp 8A là 36 học sinh. | 0,25đ  0,25đ  0,5đ |
| **15** | a)Điểm P thuộc đoạn thẳng MS.  b) Khẳng định được P là trung điểm đoạn thẳng NR | 0,5 đ  0,5 đ |
| **16** | 1. Từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2019 -2020, số học sinh trung bình trong một lớp năm 2019- 2020 là nhiều nhất và là 36,6.   năm 2015- 2016 là ít nhất và là 33,5.   1. Bảng thống kê số học sinh trung bình trong một lớp của cả nước trong các năm học  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm học | 2015 – 2016 | 2016 – 2017 | 2017 – 2018 | 2018 – 2019 | 2019 -2020 | | Số học sinh trung bình trong một lớp | 33,5 | 34,5 | 35 | 35,9 | 36,6 | | | 0,75đ  0,75đ  1đ |
| **17** | a)Xác suất của thực nghiệm của các sự kiện có một đồng xu sấp một đồng ngửa trong 50 lần tung là     1. b)Xác suất của thực nghiệm của các sự kiện có Hai đồng xu ngửa hoặc sấp là | 0.5đ    0.5đ |
| **18** | Sau năm thứ nhất số sách của thư viện tăng thêm là:  (quyển)  Sau năm thứ nhất số sách của thư viện là:  (quyển)  Sau năm thứ 2 số sách của thư viện tăng thêm là:  (quyển)  Sau năm thứ 2 số sách của thư viện là:  (quyển) | 0,25đ  0,25đ |